

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/10/2019

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2019/HNGĐ – TLST ngày 05/7/2019, về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐ - ST ngày 09/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐ-ST ngày 25/9/2019; giữa:

1. Nguyên đơn : Chị Bùi Thị N, sinh ngày 29/01/1991.

Địa chỉ: Số nhà 81, Phố N, phường S, thành phố L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh ngày 03/12/1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã C, Thành phố L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động tại: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh C tự do tìm hiểu, chung sống với nhau từ tháng 12/2013. Đến ngày 27/6/2014 anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã C, thị xã L (nay là phường C, thành phố L) , tỉnh Hải Dương. Sau

ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh C không chung thủy, vợ chồng mất niềm tin đối với nhau. Từ tháng 8 năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 3/2018 chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã L, nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên anh C không thay đổi cách sống, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, mà lại đi Đài Loan lao động không bàn bạc với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung : Vợ chồng có một con chung là Bùi Phương T, sinh ngày 17/8/2014, hiện đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Trong quá trình giải quyết vụ án do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh C tại Đài Loan, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình anh C, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh C tại Đài Loan. Ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ anh C đều xác định anh C hiện lao động tại Đài Loan và vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng ông bà không biết địa chỉ. Ông B, bà H đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh C biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông B, bà H xác định đã thông tin cho anh C. Anh C có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung anh C có quan điểm xin được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng, trong thời gian không ở Việt Nam anh C đề nghị ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị H thay anh trông nom, chăm sóc cháu T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh C tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh C cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục tố tụng giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2014 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C, thị xã L (nay là phường C, thành phố L), tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng mất niềm tin với nhau. Chị N đã từng nộp đơn ly hôn đến Tòa án thị xã L (nay là Tòa án thành phố L), nhưng sau đó lại rút đơn về để đoàn tụ. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Thông qua gia đình anh C cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

- *Về con chung*: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C có 01 con chung là Bùi Phương T, sinh ngày 17/8/2014. Hiện cháu T đang ở với ông bà nội là ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị H. Ly hôn chị N, anh C đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên xét thấy hiện tại anh C đang lao động tại Đài Loan, không có mặt ở Việt Nam nên cần giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Phương T, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0007440 ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Bùi Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- UBND phường C
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền